

## Chú Giải Luật Thiện Kiến

Hán dịch: Tăng-già-bạt-đà-la - Việt dịch: Tỷ kheo Tâm-Hạnh

### Quyển thứ mười một

-ooOoo-

Hỏi: - Nếu đếm chỉ đến ba hay bốn thì có gì không tốt?

Đáp: - Nếu hơi thở bị thúc ép thì khó điều khiển được tâm, như trong chuông có quá nhiều bò đang chen chúc lẫn ép nhau thì chúng sẽ phá chuông để ra. Nếu đếm đủ mười thì thân thể thoải mái như chuông rộng rãi. Chuông rộng thì bò được nuôi dưỡng dễ dàng.

Hỏi: - Nếu đếm đến tám, chín thì có gì không tốt?

Đáp: - Không làm cho nhầm lẫn nhưng sinh tâm phân vân, hoặc cho rằng ta được thiên vị, nên sinh tâm mê hoặc. Với lỗi lầm như vậy, ông hãy từ bỏ. Nếu đếm hơi thở mà đếm rõ chậm rãi từ từ từng số, thì như người đóng ngũ cốc, đầu tiên đổ vào cho đầy rồi mới đếm một, sau đó mới đóng phần ấy sang. Nếu có cỏ đất thì ông ta nhặt vứt bỏ ra, khi đổ vào đầy và đếm hai (rồi mới đóng), tuần tự đóng như vậy cho đến mười. Tỷ kheo tọa thiền đếm số (trước) hơi thở ra vào cũng như vậy.

Nếu đếm nhanh thì như mục đồng đếm bò. Đếm như thế nào?

Mục đồng có trí, tay cầm roi, ngồi ngay trên trụ cửa chuồng, dùng viên... làm số (sakkaram khipitvā) (để đếm) và lừa bò ra ngoài. Khi lừa bò ra thì ông ta bắt đầu đếm một, hai, ba, bốn, năm... đến mười con.

Tại sao đếm như vậy? Có lúc bốn đại không đều hòa, hơi thở vào ra nhanh thì tùy theo sự vào ra của hơi thở mà đếm nhanh 1. 2. 3. 4. 5; 1.2.3.4.5. Khi đếm bò, người chăn đứng ngay cửa mà đếm, không đếm bò đang ở trong hay ngoài cửa. Nhờ theo dõi số đếm mà tâm được định. Vì sao? Như người đi thuyền ngược dòng nước chảy xiết (*candasota*), dùng cây sào chống một, hai, ba, bốn, năm làm cho con thuyền được vững vàng (để đi lên). Thở vào thở ra cũng vậy. Vì sao? Tâm ví như chiếc thuyền, hơi thở vào ra như cây sào chống, (thuyền) tâm trôi chảy theo (sông) năm dục mà được hơi thở vào thở ra chế ngự làm tâm ổn định. Nếu hơi thở vào mà tâm theo vào, như chất bỏ vào thân làm cho nó đầy. Nếu thở ra mà tâm tùy theo ra, làm pháp quán bị rộng lớn (phân tán). Do phân tán rộng nên tâm khó được điều phục. Trừ hai pháp này, vị ấy chỉ trụ tâm tại chỗ hơi thở tiếp xúc (chóp mũi hay đầu môi trên) thì sau đó sẽ đắc định. Thế nên trong luật bản nói: Không được đếm theo hơi thở ở trong hay ngoài.

Vậy đếm đến bao giờ mới ngưng? Nếu tâm không còn loạn mà vẫn biết rõ hơi thở ra vào thì không cần đếm nữa. Như vậy là đã bằng phương tiện đếm mà được tùy niệm (an trú niệm).

Thế nào là tùy niệm? Biết rõ hơi thở ra vào, không cần nhờ vào sự đếm nữa mà vẫn biết rõ và an trú niệm trên ba chỗ (hơi thở ra đi). Nếu thở ra thì bắt đầu là rôn, giữa là tim, cuối là chóp mũi (*nābhi àdi hadayam majjham hāsikā poriyosāham*). Nếu thở vào

thì bắt đầu ở chóp mũi, giữa là tim và rốn là cuối. Nếu tâm đi theo hơi thở thì tâm không định. Do tâm không định thì tâm bị dao động. Thế nên trong luật nói: Nếu tâm đi theo hơi thở ra, hơi thở vào thì bên trong tâm không định và trong tâm ngoài thân đều dao động. Do dao động nên không đắc định. Nếu đi theo hơi thở vào và ra là như vậy. Thế nên không được theo hơi thở vào và ra ở giai đoạn giữa và sau, chỉ chú tâm ở chóp mũi, bám chặt vào đó và ghi nhận hơi thở ra vào. Nếu từ bỏ sự đếm số thì tâm ghi nhận tự vào định. Như có người bị què trông giữ em bé bằng cách đặt em bé trong cái nôi treo ở giữa nhà, ngồi một chỗ, lác cái nôi qua lại mà (người ấy) vẫn ở một chỗ chứ không phải di chuyển bằng tay. Tỳ kheo tọa thiền cũng vậy. Lại nói: Ví như người giữ cửa, không cần hỏi trước với những người ra vào, chỉ hỏi khi họ đến ngay cửa, cũng không hỏi họ từ đâu đến và cầm những vật gì, chỉ biết họ có ra vào mà thôi. Tỳ kheo tọa thiền cũng vậy, không cần biết trước và nghĩ lấy thở ra vào. Như vậy, ông hãy tự biết lấy.

Phật dạy: -Ai biết rõ ba pháp thì tâm được định.

Ba pháp ấy là:

- Một, ưa thích vào.
- Hai, phương tiện.
- Ba, được tăng trưởng.

Như cây gỗ lớn được đặt vững trên mặt đất. Có người muốn xẻ cây này, trước tiên xem xét vỏ cây, sau đó dùng cưa xẻ ra, tâm luôn chuyên chú nhìn (chỗ) răng lưỡi cưa (tiếp xúc với gỗ), làm cho nó đi thẳng đường chứ không nhìn lưỡi cưa qua lại. Quán hơi thở ra vào cũng vậy. Tự duy về pháp thiền đang hành trì, với phương pháp hoàn bị như cây gỗ lớn vững trên đất. Quán sát kỹ chung quanh cây, như tâm khéo tư duy về pháp thiền. Hơi thở ra vào cũng như lưỡi cưa qua lại. Tâm chú ý vào lưỡi răng cưa, như chú ý vào đầu mũi. Tỳ kheo tọa thiền nên hiểu ví dụ này, với thiền định trong hiện tại, với phương tiện hoàn bị thì đạt đến chỗ tăng thượng.

Hỏi: - Thế nào là thiền định?

Đáp: - Thân tâm tinh tấn và thành tựu nhuần nhuyễn là thiền định.

Hỏi: - Thế nào là phương pháp (*payoga*) hoàn bị?

Đáp: - Với dũng mãnh tinh tấn làm tiêu trừ phiền não và diệt tận suy nghĩ.

Hỏi: - Thế nào là đạt đến chỗ tăng thượng?

Đáp: - Bằng dũng mãnh tinh tấn làm tiêu trừ kiết sử (*samyojana*).

Ba pháp (tướng, thờ vô, thờ ra) không phải được thành tựu chỉ do nhất tâm quán sát mà cũng phải nhờ biết rõ ba pháp ấy. Và tâm không dao động là nhờ vào pháp thiền định trong hiện hành, phương pháp hoàn bị thì đưa đến chỗ tăng thượng. Khi đắc được như vậy rồi, sau đó tâm dán chặt vào A-na-ba-na thì gọi là thành tựu. Tỳ kheo nào thực hành pháp niệm A-na-ba-na thì vị ấy làm sáng chói thể gian như mặt trăng ra khỏi mây.

Trong thiền định này, có người mới làm thì có tướng lành xuất hiện, có người nhờ sở-tức mà hiện ra tướng lành.

Tướng lành ấy thế nào? Tỳ kheo này ngồi dưới đất hay trên giường, không có tọa cụ, mà (có cảm giác) chỗ ngồi ấy lại mềm mại như bông gòn. Vì sao? Vì đã sở-tức nên làm cho thân thể nhẹ nhàng thoải mái, và tuần tự, hơi thở ra vào thô bị diệt, thân tâm nhẹ

nhàng vô cùng, như ở giữa không trung. Khi hơi thở trở nên vi tế thì như có như không. Như người đánh khánh thì (âm thanh phát ra) trước lớn sau nhỏ. Tỷ kheo tọa thiền sở tức cũng vậy. Thế nên trong luật nói trước to lớn sau nhỏ dần.

Pháp sư nói: - Thiền định sở tức này khác với những thiền định khác. Những thiền định khác thì trước vi tế sau thô. Tỷ kheo nào vào thiền sở tức này mà thiền tướng không hiện rõ thì không nên đứng dậy mà nên yên tâm ngồi ngay thẳng và tư duy. Tư duy như thế nào? Khi đã biết thiền tướng không hiện rõ, vì ấy nên tự nói: hơi thở vào hơi thở ra này nơi nào có nơi nào không, có với ai, không có với ai. Và tự nói rằng người đang ở trong thai mẹ, không có hơi thở ra vào, khi đang lặn trong nước không có hơi thở ra vào, chư thiên ở cõi Trường Thọ cũng không có hơi thở ra vào, nhập vào thiền thứ tư cũng không có hơi thở ra vào, thầy chết cũng không có hơi thở ra vào, sắc hay vô sắc giới cũng không có hơi thở ra vào, diệt tận định cũng không có hơi thở ra vào.

Sau khi suy nghĩ như vậy rồi, hành giả tự chê trách thân mình: Người là người trí tuệ, không phải đang ở trong bụng mẹ, không ở trong nước, không ở cõi trời sắc và vô sắc giới, không phải đang vào định diệt-tận, không phải đang ở cõi trời Trường Thọ, chẳng phải là thầy chết, cũng không phải đang ở cõi thiên thứ tư. Người đang có hơi thở ra vào rất vi tế mà không thể biết được, hãy chú tâm lại. Nếu với người có mũi dài, thì đặt tâm ở lỗ mũi (*nāsāputa*). Nếu người có mũi ngắn thì chú tâm trên đầu môi trên. Thế nên phải giữ chặt ở vị trí này.

Như trong kinh có nói: Phật bảo các Tỷ kheo, người nào hay quên, không tinh giác chú tâm được thì không thể nhập thiền định A-na-ba-na. Không chỉ riêng thiền định A-na-ba-na mà đối với các thiền định khác cũng vậy. Nếu ai chánh niệm được thì thiền định sẽ hiện rõ. Thiền định A-na-ba-na này rất trọng yếu. Chư Phật, Bích-Chi-Phật, đại A-là-hán (*Buddhapāṇā*) đều dùng pháp niệm A-na-ba-na này làm nền móng và sau đó mới được đắc đạo, tùy niệm đưa đến cực tịnh. Thế nên trong định này tùy niệm phải được tăng trưởng cùng trí tuệ.

Như may trên tấm vải rất mỏng thì phải dùng kim chỉ rất nhỏ. Kim ví như tùy niệm, chỉ như trí tuệ, liên kết với nhau không gián đoạn, nhờ vào hai pháp này, không cho quên mất hơi thở vào và hơi thở ra. Như người cày ruộng, khi con bò đã mệt và người cày cũng mệt thì thả cho bò nghỉ ngơi. Sau được thả ra, bò đi vào rừng. Nghỉ ngơi xong, người kia lại đi tìm bò nhưng không cần tìm theo dấu chân bò, mà đi thẳng vào rừng, đến nơi bò thường đi lại uống nước và nằm hoặc ngồi chờ cho bò uống nước xong, dùng dây xô mũi bò và cầm gậy tiếp tục lừa nó trở lại cày ruộng. Cũng như vậy, Tỷ kheo thiền định về thở ra thở vào khi quá mệt thì tạm thời ngừng lại và nghỉ ngơi, không theo dõi hơi thở ra vào nữa mà chỉ đặt (niệm) ở chóp mũi, chú ý và đếm hơi thở ra vào với chánh niệm ví như sợi dây (cột mũi bò) và trí tuệ ví như cây gậy và cứ tiếp tục chú ý đến (chỗ) hơi thở vào ra.

Nếu làm được như vậy thì không bao lâu thiền tướng (*nimitta*) sẽ hiện rõ (trở lại) và thân thể khoan khoái như tiếp xúc với bông gòn, thân cảm thấy mềm mại. Có người thấy như chạm vải kiết bối, có người thấy như chạm luồng gió mạnh, có người thấy như các vì sao, có người thấy như chuỗi ngọc, có người thấy như ngọc trắng bị vung vãi, có người thấy như (chạm) phải hạt hoa kiết bối, có người thấy như sợi dây, có người với sự tiếp xúc thô cứng, có người thấy như ánh lửa, có người thấy như con khí, có người thấy như mây nổi, có người thấy như hoa sen, có người thấy như bánh xe, có người thấy như trăng tròn.

Vì sao? Như trong kinh nói: Các Tỷ kheo tập hợp tụng kinh nhưng mỗi người lại thấy điệm lạnh khác nhau. Có người thấy như núi non, như dòng sông, như cây rừng, tuy rằng với sự bắt đầu như nhau.

Hỏi: - Với núi non, dòng sông và cây rừng, do đâu mà có sự khác nhau này?

Đáp: - Từ tâm tưởng mà có. Do ý tưởng của từng người khác nhau nên sinh ra tướng khác nhau. Có người quán về hơi thở ra, có người quán hơi thở vào, có người quán thiền tướng (*nimittāranamāna*). Nếu không quán như vậy thì cũng không phát minh được pháp A-na-ba-na (*anapāna-sati*) và không thành pháp sơ thiền. Nếu có ba pháp này thì thành tựu thiền định.

Tỳ kheo tọa thiền nếu có xuất hiện tướng như vậy nên đi thưa với thầy: Con thấy tướng trạng như vậy.

Thầy đáp rằng là tướng thấy chứ không nói là tướng thiền nhưng cũng không nói chẳng phải tướng thiền.

Sau khi dạy như vậy, vị thầy nói: - Trưởng lão! Thầy hãy gia tâm thêm.

Pháp sư nói: - Vì sao vị thầy không nói đó là thiền tướng hay chẳng phải thiền tướng?

Đáp: - Nếu nói với vị ấy cụ thể riêng từng phần, đấy là thiền tướng thì (vị ấy) sinh tâm giải đãi (vì kiêu căng nên bỏ phế); nếu nói không phải thiền tướng thì (vị ấy) thối tâm. Do đó không nói từng phần mà chỉ ân cần dạy bảo, thì thiền tướng tự hiện.

Xưa có bài kệ:

*Dán tâm nơi pháp quán  
Sẽ hiện ra nhiều tướng,  
Nếu người có trí tuệ,  
Giữ tâm tiếp tục niệm  
Ở hơi thở ra vào,  
Tinh cần không tán loạn.*

Khi thiền tướng xuất hiện, thì các triền cái bị quán thúc, các phiền não lặng yên tự ngưng lại. Nhờ hai pháp này mà tâm được an trụ và trở thành định, hoặc đắc sơ địa, hoặc đắc trừu thiền địa, hoặc nhờ vào sự xuất hiện các thiền chỉ mà đắc sơ địa (cận hành định). Đây là đang đắc sơ định địa.

Hỏi: - An trú vào định (an chỉ định) và sơ định (cận hành định) là khác hay giống nhau?

Đáp: - Khác nhau, sơ định - cận hành định - là tâm đã thuần thực, đi vào chỗ an trú của tâm (*Bà-bàn-già - Bhavanga, hữu phần: chỗ tâm yên nghỉ*). An trú vào định - an chỉ định - là tâm trong cảnh giới này luôn cả ngày đã thuần thực không còn tùy thuộc vào Bà-bàn-già. Hai pháp này khác nhau như vậy.

Nếu thiền tướng đã hiện rõ, do quán sắc hoặc quán tướng mạo thì phát triển thêm. Như vua Chuyển Luân còn ở trong thai, được cha mẹ yêu mến bảo hộ, ở nơi điều hòa ấm mát và dùng các thức ăn thích hợp. Nếu khéo nuôi dưỡng thì sẽ được kết quả tốt đẹp.

Tỳ kheo hộ trì thiền tướng cũng vậy, nếu không hộ trì luôn thì bị mất. Vậy hộ trì như thế nào?

Một: Ở trú xứ thích hợp.  
Hai: Khu vực đi lại (khất thực) thuận tiện.  
Ba: Thân cận người thiện.  
Bốn: Thực phẩm thích hợp.  
Năm: Khí hậu điều hòa.

Sáu: Chọn uy nghi đi, đứng, ngồi, nằm thích hợp.

Bảy: Tránh xa sự ồn ào và nhất là ăn uống.

Nhờ bảy pháp này hộ trì thì thiền tướng được an trú kiến cố.

Tuần tự, thiền tướng tăng trưởng và hiện rõ rồi, các căn được rất thanh tịnh nhu nhuyễn thì đối với tâm, nếu muốn thì có thể giữ lại hay buông thả, sinh khởi hay điều phục, hoan hỷ hay xả một cách dễ dàng, gần gũi người đắc thiền tướng và tránh xa người chưa đắc thiền tướng, chí tâm đối với thiền và biết rõ thiền tướng. Đối với mười pháp này người trí khéo an trú tâm vào, không được biếng nhác, nên tinh cần tu tập, nên suy nghĩ rằng ta hãy an trú vững vào định và xả bỏ tâm Bà-bàn-già (hữu phần) mà khởi lên ý muốn hướng tâm (*manadvāvajjanam uppajjati*) trụ trong một sát na rồi diệt, lại khởi lên bốn hay năm (4,5) xà-bà-na (*javana - tức hành tâm*).

Năm tâm này gồm có: 1- Tâm tác động; 2- Tâm học (cận-hành); 3- Tâm tùy thuận; 4- Tâm trung gian; 5- Tâm an trụ.

Nếu gom năm tâm này thành bốn, thì: 1- Tâm tác động cận hành; 2- Tâm tùy thuận; 3- Tâm trung gian; 4- Tâm an trụ. Tâm thứ tư này cũng gọi là tâm thứ năm, không có thứ sáu và thứ bảy.

Những tâm trước thuộc dục giới, tâm thứ năm (an trụ) này thuộc sắc-giới. Nhờ vào tâm này nên diệt năm chi (triền cái) và phát sinh năm thiền chi (tâm, từ, hỷ, lạc, nhất tâm), đầy đủ mười tướng (đặc tính) tốt đẹp cả ba (giai đoạn) và đắc thiền thứ nhất rồi, thì tư niệm trong pháp quán này hoàn toàn bị diệt và đắc thiền thứ hai, diệt tướng này luôn thì chứng thiền thứ ba, đến thứ tư. Huấn luyện tâm và vượt lên trên.

Pháp sư nói: - Đây là nói lược, nếu nói rộng thì hãy xem trong Thanh-tịnh-đạo (*Visuddhimagga*).

Tỳ kheo đã đắc thiền thứ tư rồi, khéo ghi nhận và làm cho tăng trưởng. Nếu muốn đạt đến chỗ hoàn toàn chân thật thì thiền thứ tư này có năm điều tốt đẹp. Một, tâm trú; hai, nhập vào; ba, sắc (quyết định); bốn, xuất ra; năm, quán sát trở lại. Nhờ năm pháp này mà đạt đến chỗ chân thật.

Tỳ kheo này đã tu tập thông suốt (pháp thiền này) có thể bắt đầu quán sát với sắc, hoặc bắt đầu với vô sắc. Quán sắc và vô sắc rồi lại tu tập tăng lên với pháp Tỳ-bà-xá-na (*Vipassana, niệm xứ*). Tăng lên như thế nào?

Tỳ kheo xuất khỏi thiền thứ tư rồi, vẫn nắm vững thiền chi (*jhānanga*). Sau khi nắm vững thiền chi này trong tâm, tâm y vào bốn đại chủng (*cattābhutani*) mà quán sát thân bốn đại. Từ thiền chi này mà nói thì bắt đầu là phi sắc (tâm) xứ. Do pháp sắc, phi sắc (tâm) này mà thấy (tâm) thức. Bắt đầu với bốn đại chủng mà có sắc cộng với các sắc tâm thức không phải sắc. Nếu xuất khỏi định và (trở lại) thở vào thở ra thì thân và tâm là nhân của nó. Như ống bẹ bằng da của người thợ rèn, nhờ sức chuyển động nên có hơi gió vào. Hơi thở ra vào cũng vậy, nhờ vào thân tâm nên thở ra vào. Tỳ kheo này thấy hơi thở ra vào nên thấy thân, thấy sắc tâm sở.v.v... cùng với các pháp phi sắc tâm này. Nhờ thấy rõ danh sắc như vậy, lại quán sát thấy rõ nhân duyên làm cho danh sắc nối tiếp mãi không ngừng trong ba đời.

Do danh sắc nối mãi nên sinh hoài nghi. Sau khi đoạn trừ nghi ngờ (kankhā) rồi thì quán sát ba tướng (của danh sắc là khổ, vô thường, vô ngã), sau khi quán ba tướng rồi, lại quán sát sự sanh diệt. Nhờ quán sát sanh diệt nên trước tiên thấy ánh sáng và xa lìa mười phiền não thuộc Tỳ-bà-xá-na (*dasavipassanūpakilesa*). Sau khi xa lìa (mười phiền não trên) vị ấy phát sinh trí tuệ về đạo (*patipadā-nāna, hành đạo tri kiến*). Sau

khi vượt qua pháp đã phát sinh, lại thấy rõ pháp sanh diệt (*udayam pahàya bhagànupassanam patvā*) và các niệm kế tục nhau bị tiêu diệt. Nếu hai trí này (đạo trí và hoại diệt trí) đã phát sinh thì đối với ba cõi, hành giả sinh (tâm) nhằm chán (*sabbasankhàresunibbindanto*). Và tuân tự đắc bốn đạo như vậy, hành giả đạt đến quả A-la-hán. Có 19 trí quán sát (*ekūnavisatibhedassapacavekkhan ànānassa pariyatappatto sadevakassa lokassa aggadakkhineyyo hoti*) biết rõ (các pháp) đến cùng tận, và vị này trở thành bậc ruộng phước vô thượng cho ba cõi gồm cả phạm, ma, Sa-môn, Bà-la-môn.

Đây là pháp niệm hơi thở vào hơi thở ra. Và đã giải thích xong bốn câu đầu của phần thứ nhất (bốn đề tài niệm về thân).

Bốn câu trong ba phần còn lại cùng với các thiền khác không khác. Thế nên, tôi sẽ giảng giải.

Giác là đang cảm giác về hỷ: (trong đề tài) tôi đang (cảm giác) hít vào thở ra rõ ràng với hỷ. Được cảm giác hỷ nhờ vào hai việc. Đó là:

- 1- Đối tượng quán.
- 2- Không mê mờ.

Thế nào là có cảm giác hỷ đối với đối tượng quán? Khi vào hai thiền thì có hỷ. Ở trong thiền này, khi muốn được (hỷ thọ) với trí tuệ thì với đối tượng quán, tự nhiên được cảm giác hỷ thọ. Thế nên nhờ vào đối tượng quán mà được cảm giác hỷ thọ.

Thế nào là nhờ không mê mờ mà có cảm giác hỷ thọ? Hai thiền đều có hỷ, sau khi nhập và xuất thiền này thì trí tuệ quán sát hỷ ấy (sẽ bị) tiêu diệt nơi thiền quán, thấu suốt tướng của nó (tướng quán) không bị mê mờ; nhờ không mê mờ nên đạt đến cảm giác hỷ thọ.

Trong kinh Bà-trí-tam-tỳ-bà (*Patisambhidā - Vô ngại giải*) nói: Bằng hơi thở vào hơi thở ra mà đạt được nhất tâm. Tâm không tán loạn thì biết tinh thức rõ ràng. Nhờ biết tinh thức rõ ràng mà có cảm giác hỷ thọ. Nhờ thở ra dài nhờ thở vào ngắn mà cảm giác được toàn thân, cảm giác được sự diệt của thân. Nhờ thở vào thở ra thành tựu nhất tâm mà biết rõ. Nhờ hai pháp này mà cảm giác phát sinh.

Do an tâm nên có cảm giác hỷ thọ, nhờ biết rõ, nhờ pháp quán, quán ngược xuôi làm tâm ổn định lại, chỉ tâm giữ tinh tấn mà phát sinh hiểu biết, tâm tập trung ổn định biết rõ với trí tuệ, cái cần phải biết thì biết rõ, cái cần phải xả bỏ thì xả bỏ, cái cần phải quán sát thì quán sát, cái hiện rõ (tu tập) thì hiện rõ và đưa đến cảm giác hỷ thọ. Như vậy là đạt được cảm giác hỷ thọ. Các câu sau ý nghĩa cũng theo như vậy. Trong ba thiền định có điểm khác vì có cảm giác lạc còn ở bốn thiền định là cảm giác tâm hành (*cittasāṅkhārāpatisamvedita- cảm giác tâm hành*)

Hỏi: - Tâm hành là gì?

Đáp: - Thọ và tưởng ấm (vedanādayo duve khandhā) là tâm hành.

Cảm giác lạc đây thuộc về thiền tuệ Tỳ-bà-xá-na. Lạc có hai: một là lạc thuộc thân; hai là lạc thuộc tâm. Trong Vô-ngại-giải có nói: Diệt tâm hành tức là ổn định tâm hành thô và diệt nó (*olārikam cittasāṅkhāram passambhanto nirodhento ti attho*) cũng gọi là định chỉ. Nếu nói rộng thì được giải rõ trong phần thân hành, hãy tự nghiên cứu (*yasāṅkhāra*). Hỷ trong câu nói (cảm giác hỷ) về thọ là thuộc hành. Nếu chọn lấy lạc thì thuộc cảm thọ. Cả hai trường hợp cảm giác trên trong câu tâm hành (cảm giác tâm hành) thì gồm cả tưởng và thọ tâm sở (sanna vedanā cetasika - tưởng thọ tâm sở). Hai

pháp này không rời tâm, nếu chọn lấy tâm hành thì bao gồm cả tướng và thọ. Bốn câu trong phần này là nói xong về quán cảm thọ, hãy tự nghiên cứu.

Câu cảm giác về tâm trong bốn câu thuộc pháp thứ ba (niệm tâm) là thuộc về cả bốn thiền định.

Cảm giác về tâm (*abhippamodaya-citta*) nghĩa là gì? Cảm giác tâm hoan hỷ, hoan hỷ hoàn toàn, tâm rất hoan hỷ, tôi đang cảm giác thờ ra, thờ vào. Có hai mặt hoan hỷ, đó là nhờ vào định và nhờ vào tuệ quán.

Thế nào là nhờ định? Có cảm giác hỷ và đi vào hai thiền định và khi đã vào rồi cũng có hỷ, trong một sát na tâm cùng với hỷ.v.v.. hân hoan vào trong tâm và rất hoan hỷ.

Thế nào là nhờ tuệ quán mà nhập vào hai thiền định? Có hỷ (thay đổi) theo thiền định (nhập vào) và xuất, và nhờ thấy hỷ có thể bị tiêu diệt nên luôn tiếp xúc với thiền hỷ (băng tuệ). Như vậy, tuệ quán Tỳ-bát-xá-na (*vipassanākkhana*) luôn luôn hoạt động với hỷ rong từng sát na là nhờ vào tuệ quán mà tâm có hỷ như vậy, tùy theo tâm mà có hân hoan.

Tôi đang hít vào thờ ra với tâm hoàn toàn ổn định. Nhờ vào thiền định thứ nhất, đặt tâm hoàn toàn ổn định trên đối tượng quán, (hoặc là) sau khi đã nhập và xuất thiền, hành giả thấy tâm thiền định bị diệt theo từng pháp trong tuệ quán Tỳ-bát-xá-na này. Tâm định trong một sát na do hiện-quán vượt qua tướng. Tâm định khởi lên trong một sát na ấy là nhất tâm định. Và tâm hoàn toàn an trụ trong tuệ quán này.

Câu " Tôi cảm giác (hít vào thờ ra) với tâm giải thoát"

Nghĩa là giải thoát khỏi phiền não, thoát ly tự và niệm (tâm và tứ) ở thiền thứ hai, thoát ly hỷ ở thiền thứ ba, thoát ly khổ và lạc ở thiền thứ tư, giải thoát theo tuần tự như vậy. Sau khi (nhập) và xuất khỏi thiền, thấy rõ tâm diệt theo từng pháp trong thiền tuệ Tỳ-bát-xá-na này. Khi hành giả thấy vô thường thì xả bỏ pháp thường, thấy pháp khổ thì xả bỏ tướng về lạc, thấy vô ngã thì xả bỏ tướng về lạc (ngã?), tâm không còn tham đắm. Do không tham đắm nên quán sát ly dục, từ nơi dục mà quán diệt tướng, từ chỗ sinh tướng mà quán xả bỏ (chấp thủ), từ chấp thủ mà tâm được giải thoát. Thế nên, trong luật nói: (quán) hơi thờ vào hơi thờ ra thì tâm được giải thoát. Trên đây là (giải thích) câu thứ tư trong phần quán tâm.

Trong bốn câu ở phần thứ tư thì quán vô thường là tướng vô thường, nên biết rõ về quán vô thường, nên biết rõ về sự quán liên tục về vô thường.

Hỏi: - Cái gì vô thường?

Đáp: - Năm ấm vô thường.

Hỏi: - Tại sao năm ấm vô thường?

Đáp: - Vì chúng là pháp sanh diệt.

Hỏi: - Sanh diệt như thế nào?

Đáp: - Là pháp biến đổi tướng trạng, vì biến đổi nên các pháp đã sinh (bị biến đổi) không có tướng cố định trong từng sát na sát na. Đây gọi là quán vô thường. Bắt đầu là quán về sắc. Quán sắc vô thường là quán sắc luôn luôn vô thường. Quán sát nhân (của sắc) là do bốn đại chủng nên có hơi thờ ra hơi thờ vào, chúng là pháp hoại diệt, nên gọi là quán vô thường.

(Đề tài) quán ly ái dục.

Có hai loại quán ly ái dục là: Một, quán tiêu trừ ái dục. Hai, quán hoàn toàn không còn ái dục.

Hỏi: - Thế nào là tiêu trừ ái dục?

Đáp: - Các pháp bị diệt trong từng sát na (sát na diệt)

Hỏi: - Thế nào là hoàn toàn không còn ái dục?

Đáp: - Quán hoàn toàn không còn ái dục là Niết-bàn.

Nhờ hai pháp này mà đạt đến chỗ thấy đạo; nhờ thấy đạo mà thấy được pháp Tịch diệt.

Thấy tịch diệt rồi thì quán xả ly. Nhờ quán tuệ Tỳ-bà-xá-na mà xả ly phiền não, chuyển hướng về Niết-bàn.

Như vậy, đây là (giải thích) phần cuối của pháp niệm hơi thở.

Hết phần niệm hơi thở (*àṇāpānasatisamādhikathā nitthità*).

\* \* \*

Khi ấy, Thế Tôn ... là nói lược về đoạn: Khi ấy đức Thế Tôn dạy pháp niệm hơi thở cho các Tỳ kheo. Nhân vì các Tỳ kheo quán bất tịnh mà cùng nhau tự sát. Do sự việc này, đức Thế Tôn tập họp chúng tăng lại và quở trách: - Nay các Tỳ kheo, vì sao giúp nhau tự sát, lại nhờ sa-môn Lộc-Trương giết các Tỳ kheo...

Sau khi quở trách các Tỳ kheo. Như Lai kết giới Ba-la-di thứ ba: Tỳ kheo nào giết người... Bắt đầu là như vậy vì các đệ tử Thanh-văn có cả thánh và phàm nên không thể mắng các Tỳ kheo với lời lẽ như: người ngu si, người vô tích sự (moghapurisa). Sau khi qui định ở phần căn bản của giới này rồi, sau đó lại kết thêm mà bắt đầu là (cấm sự) khen ngợi về sự chết và dạy bảo họ chết.

Pháp sư nói: - Tôi sẽ trình bày về phần căn bản. Như vậy là Phật chế định giới này xong.

Dục trói buộc (patibaddhacitta) là dục phát sinh trói buộc tâm.

Khen ngợi sự chết như nói rằng: Ông ở đời thì bị nhiều khổ não. Ông đã làm các công đức nên chết được sinh thiên.

Đã làm thiện... như nói ông đã làm nghiệp thiện thì chết phải sinh thiên, không còn nghi ngờ gì nữa.

Không gây nghiệp ác... như nói rằng ông không sát sinh, không nói dối, không làm bất cứ nghiệp ác nào mà ông đang bị bệnh cực khổ, vậy sống làm gì. Vì ông đã tạo nghiệp thiện, nếu ông chết khỏi nơi này, sẽ sinh trên trời, hưởng thụ năm dục lạc.

Nghiệp ác là khuyến khích cho mau chết.

Người bệnh vì nghe lời nói của Tỳ kheo ấy nên tự sát. Như vậy gọi là giết.

Biết đó là chúng sinh, ta muốn làm cho họ chết với sự quyết tâm không do dự nữa.



Chúng sinh ở đây chỉ cho con người từ khi còn ở trong thai cho đến khi chết.

Tâm ban đầu của con người nghĩa là tâm vừa thọ thân (người).

Lời nói này chỉ cho cảnh giới năm dục, nên gọi là tâm ban đầu. Tâm cùng ba âm vô sắc (thọ, tướng, hành) hợp nhau tạo thành (thai).

Sắc ca-la-la (kalarupa) đây là giai đoạn đầu tiên của thân người.

Ngay trong sắc ca-la-la này, nếu là tướng nam hay nữ thì có 30 sắc, thân tướng hoàng môn có 20.

Hỏi: - Thế nào là sắc ca-la-la của nam nữ?

Đáp: - Khi ca-la-la mới được tạo thành như giọt dầu trong suốt trên đầu sợi lông dê.

Có bài kệ:

*Như giọt dầu rất nhỏ,  
Trong suốt không có cạnh  
Ca-la-la mới thành,  
Màu sắc cũng như vậy.*

(Thân loài người) bắt đầu với (sắc) rất vi tế như vậy. Loài người trong quá khứ có tuổi thọ hai ngàn năm. Ca-la-la tuần tự trưởng thành theo như vậy cho đến lúc già chết. Khi ấy, gọi là chấm dứt một thân người.

Đối với ca-la-la, dùng chuyên môn bằng tay để đập vào, hoặc ma sát, hoặc dùng thuốc, với nhiều phương pháp làm cho thai ca-la-la không thể sinh ra được thì gọi là giết chết.

Hai cách sinh. Một là sinh ở (cõi) sắc; hai là sinh ở (cõi) vô sắc. Trong các sắc, sinh ở (ở) vô sắc thì không thể bị giết, sinh ở (cõi) sắc có thể bị giết, sắc bị giết thì vô sắc cũng bị giết. Tại sao? Vì vô sắc y chỉ vào sắc.

Hỏi: - Giết sắc là giết sắc ở quá khứ, hiện tại hay vị lai?

Đáp: - Có bài kệ:

*Sắc quá khứ không phải là hiện tại  
Sắc tương lai chẳng phải là hiện tại  
Sắc hiện tại tiếp tục sanh mãi  
Bỏ sắc khứ, lai, lấy sắc hiện tại  
Giết sắc hiện tại là sát sinh.*

Hỏi: - Thế nào là hiện tại?

Đáp: - Là (thời gian) không gián đoạn trong một sát na.

Hỏi: - Sát na là gì?

Đáp: - (thời gian) vừa sinh liền diệt.

Pháp sư nói: - Nếu như vậy thì không thành giết. Tại sao? Vì tự sinh và tự diệt, không tùy thuộc vào sự gián đoạn (giết chết làm cho diệt)

Hỏi: - Làm sao biết được?

Đáp: - Hiện tại đang tiếp diễn mà quá khứ chưa bị diệt. Như từ ngoài trời nóng, người kia đi vào nhà ngồi yên thì hơi nóng bị diệt mất và sự mát mẻ phát sinh tiếp nối không gián đoạn. Tâm cũng như vậy, phát sinh từ quá khứ tiếp diễn đến hiện tại không gián đoạn, nếu làm cho (tâm thức) gián đoạn thì thành sát sinh. Vì (mạng sống trong hiện tại) là nhân để sống tiếp tục trong tương lai.

Pháp sư nói: - Phải biết rõ về chúng sinh, biết rõ về sự giết chết mạng sống của chúng sinh, biết rõ về phương cách (để giết).

Hỏi: - Thế nào là biết rõ về chúng sinh?

Đáp: - Người đời gọi nhau với giả danh là chúng sinh nhưng kỳ thực chỉ là hơi thở đang sống.

Hỏi: - Thế nào là biết rõ về sự giết chết mạng sống của chúng sinh?

Đáp: - Làm chắm dứt hơi thở đang sống và không cho sống nữa.

Hỏi: - Thế nào biết phương cách (để giết)?

Đáp: - Có sáu phương cách (chappàyoga).

- 1- Tự mình (sàhatthika)
- 2- Bào người (ànattiya)
- 3- Ném, bắn... (nissaggiya)
- 4- An trí (thàvara)
- 5- Chú thuật (vijjāmaya)
- 6- Dùng thần lực (Iddhimaya).

Hỏi: - Thế nào là tự mình?

Đáp: - Tự mình giết.

Hỏi: - Thế nào là bào người?

Đáp: - Bào người khác giết: - Người hãy giết như vậy...

Ném, bắn nghĩa là bắt đầu với cung tên.v.v... với các khí cụ để bắn ném làm cho chết.

An trí nghĩa là đặt chông nhọn, mũi nhọn, dao hồ, thuốc độc.v.v...một nơi nào đó, nếu tiếp xúc thì bị chết.

Chú thuật có hai loại:

- a) A-tháp-bà-ny-da (Àthabbanika).
- b) Số.

Hỏi: - A-tháp-bà-ny-da nghĩa là gì?

Đáp: - Nước kẻ địch hay giặc dùng chú thuật (trù ếm) làm cho đầu, bụng đau đớn và gây các chứng bệnh khác làm cho chết.

Số nghĩa là dựa vào câu chú, (đọc) từ mười, hai mươi cho đến trăm lần (cho họ chết).

Thần lực là dùng năng lực thần thông như Long-vương, Ca-lưu-la, Dạ-xoa, Trời, vua người (Nàga, supanna, yakkha, deva, Ràjan) giết hại chúng sinh bằng cách trợn mắt

nhìn hay cắn, phun độc làm cho chết.

(Chim) Ca-lu-la có khả năng mổ giết trong phạm vi ba mươi tằm. Rồng, dạ xoa, trời, vua người tùy theo các khả năng phương tiện của mình mà (có thể) làm cho chúng sinh chết.

Cùng với binh khí: với những vật như các loại binh khí cho đến dao nhỏ, giúp cho họ tự sát. Và nói rõ rằng bạn sống thật vô ích không bằng hãy chết đi. (Sau khi nói), người này đặt các dụng cụ tự sát như chùy sắt, đá, cây, dây, thuốc độc.v.v... bên cạnh người kia và khuyến khích rằng khi ở đời ông đã tạo các công đức nên chết phải được sinh thiên, hưởng lạc thú cùng chư thiên ngọc nữ trong vườn nan-đa (Nandanavana - vườn hoan hỷ), vậy tại sao phải chịu đau khổ trong đời sống này.

Hoặc bảo người nhảy xuống ghềnh đá. Ghềnh đá là nơi hai bờ núi giữa có vực sâu. Hoặc dạy người đi vào địa ngục.

Pháp sư nói: - Dạy người tự sát như vậy thì phạm tội Ba-la-di. Đây chỉ cho trường hợp giết người, nếu giết chúng sinh khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Vì sao đức Thế Tôn chế đầy đủ về giới này? Vì Tỳ kheo ác trong đời tương lai vậy. Những câu tiếp theo sau để hiểu.

Nếu giết bằng các dụng cụ như thuốc độc, đâm, chém... nhưng không chết ngay mà sau đó mới chết (vì nguyên nhân trên), Tỳ kheo này cũng bị tội Ba-la-di.

*(Xin xem tiếp Phần 11.b)*

-ooOoo-

[Chương trước](#) | [Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Chương kế](#)

---

*Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 01-2001)*

---

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

*last updated: 16-07-2003*